| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 19 /GP-UBND | *Tuyên Quang, ngày 15 tháng 8 năm 2023* |

# GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
***(Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản)***

## UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ bãi sông;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 37/GP-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú được khai thác cát, sỏi bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn xã Đội Bình, huyện Yên Sơn và xã Cấp Tiến, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét hồ sơ và Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày 26/7/2023 giữa bên chuyển nhượng là Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) và bên nhận chuyển nhượng là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải Tiến Đạt (địa chỉ: Thôn Độc lập, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 287/TTr-STNMT ngày 11/8/2023 về việc đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn xã Đội Bình, huyện Yên Sơn và xã Cấp Tiến, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải Tiến Đạt được nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và khai thác cát, sỏi bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn xã Đội Bình, huyện Yên Sơn và xã Cấp Tiến, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau:

**1.** Diện tích khu vực khai thác: 383.000 $m^2$ (38,3 ha) chia làm 02 khu: khu 1 có diện tích 6,2 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 8; khu 2 có diện tích 32,1 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 9 đến 25; các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 (Phụ lục số 2) kèm theo Giấy phép này..

**2.** Mức sâu khai thác:

Chiều sâu khai thác tối đa tính từ mặt lớp cát, sỏi của các khối trữ lượng là 3,5 m *(độ sâu khai thác tính theo chiều dày trung bình của các khối trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò).*

**3.** Thân khoáng: dạng khối.

**4.** Trữ lượng còn lại của mỏ và trữ lượng đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác:

(1). Trữ lượng còn lại của mỏ:

Trữ lượng địa chất cấp 122 là 1.161.629 $m^3$ (cát 448.155 $m^3$; sỏi 713.473 $m^3$). Tương ứng trữ lượng khai thác là 1.045.466 $m^3$.

(2) Trữ lượng đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác:

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 1.025.370 $m^3$ (cát: 395.793 $m^3$; sỏi: 713.473 $m^3$).

- Trữ lượng khai thác cấp 122: 922.833 $m^3$ (cát: 356.028 $m^3$; sỏi: 566.805 $m^3$).

(3) Trữ lượng còn lại chưa đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác 238.795 $m^3$ cát, sỏi (cát: 92.127 $m^3$; sỏi: 164.668 $m^3$).

**5.** Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

**6.** Công suất khai thác: 49.000 $m^3$/năm.

**7.** Thời gian được phép khai thác trong ngày, từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, không được khai thác ban đêm.

**8.** Thời gian còn lại chuyển nhượng quyền khai thác: 18 năm, mười tháng *(Thời gian còn lại theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 37/GP-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh).*

**Điều 2.** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải Tiến Đạt có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Xác định ranh giới khu vực khai thác; cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Sử dụng đúng số lượng, công suất thiết bị khai thác (tàu hút) và nộp bản đăng ký thiết bị khai thác, vận chuyển cát sỏi *(hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của từng loại thiết bị, phương tiện khai thác, vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp)* cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành khai thác. Tên, loại phương tiện, thiết bị được sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi và yêu cầu về đăng ký theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa, pháp luật liên quan; việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi.

5. Yêu cầu phải ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi sau khai thác. Phải lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát, sỏi lòng sông với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát, sỏi.

6. Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

7. Trước khi tiến hành khai thác phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương nơi có mỏ kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được cấp phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đầy đủ nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

9. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; bảo đảm an toàn bờ sông, đê, kè, cống, cầu, các công trình khác trên sông, đảm bảo an toàn giao thông đường sông theo quy định của pháp luật.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành. Xuất hàng phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp; cấp hàng vận chuyển phải đúng tải trọng cho phép không làm ảnh hưởng đến môi trường, cấp đường giao thông.

11. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; Thường xuyên thực hiện theo dõi, quan trắc, diễn biến sạt lở bờ sông. Khi bờ sông có diễn biến bất thường phải có báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý theo quy định.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giấy phép khai thác khoáng sản số 37/GP-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú chấm dứt hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải Tiến Đạt phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi

trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Thiết kế mỏ đã được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: Yên Sơn, Sơn Dương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải Tiến Đạt trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- CTy TNHH MTV Hải Tiến Đạt (bản chính);
- Công ty TNHH Hiệp Phú (bản sao);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- Các PCT UBND tỉnh (bản sao);
- Cục Khoáng sản VN (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- UBND huyện: Yên Sơn, Sơn Dương (bản sao);
- Công an tỉnh (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**TỈNH TUYÊN QUANG**

**Phụ lục 1**

## RANH GIỚI TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

*(Kèm theo Giấy phép khai thác số 19 /GP-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| Vị trí, diện tích | Điểm góc | Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục $106^0$, múi chiếu $3^0$) | |
|---|---|---|---|
| | | X (m) | Y (m) |
| Khu 1 $S_1$ = 6,2 ha | 1 | $^{23}$99.989 | $^{4}$22.098 |
| | 2 | $^{24}$00.336 | $^{4}$22.172 |
| | 3 | $^{24}$00.933 | $^{4}$22.439 |
| | 4 | $^{24}$00.976 | $^{4}$22.466 |
| | 5 | $^{24}$00.949 | $^{4}$22.513 |
| | 6 | $^{24}$00.829 | $^{4}$22.440 |
| | 7 | $^{24}$00.249 | $^{4}$22.207 |
| | 8 | $^{23}$99.986 | $^{4}$22.200 |
| Khu 2 $S_2$ = 32,1 ha | 9 | $^{23}$99.039 | $^{4}$22.490 |
| | 10 | $^{23}$98.538 | $^{4}$22.560 |
| | 11 | $^{23}$98.083 | $^{4}$22.279 |
| | 12 | $^{23}$97.978 | $^{4}$22.231 |
| | 13 | $^{23}$97.665 | $^{4}$21.853 |
| | 14 | $^{23}$97.470 | $^{4}$21.267 |
| | 15 | $^{23}$97.396 | $^{4}$21.127 |
| | 16 | $^{23}$97.564 | $^{4}$21.049 |
| | 17 | $^{23}$97.701 | $^{4}$21.501 |
| | 18 | $^{23}$97.801 | $^{4}$21.730 |

ОНАЦ УЕИ ИНСТИТУТ ЗА ИНФОРМАЦИОНИ СИСТЕМИ

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 19 | $^{23}$98.014 | $^{4}$22.036 |
| | 20 | $^{23}$98.286 | $^{4}$22.245 |
| | 21 | $^{23}$98.492 | $^{4}$22.280 |
| | 22 | $^{23}$98.435 | $^{4}$22.426 |
| | 23 | $^{23}$98.733 | $^{4}$22474 |
| | 24 | $^{23}$98.990 | $^{4}$22.431 |
| | 25 | $^{23}$99.037 | $^{4}$22.419 |
| | | | |